

Số: 358/2021/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 17 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 311/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Th, sinh năm 1947; Địa chỉ: Số 759 đường T, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 759 đường T, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trịnh Th và bà Nguyễn Thị D (theo giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường T, quận K cấp ngày 30/11/2003).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trịnh Th và bà Nguyễn Thị D thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Trịnh Th và bà Nguyễn Thị D có 01 con chung tên Trịnh Lan A, sinh ngày 02/01/2006. Ly hôn, ông Th và bà D thống nhất giao con chung Trịnh Lan A cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trịnh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18

tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 01 năm 2022.

Hai bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- *Về tài sản chung*: Ông Trịnh Th và bà Nguyễn Thị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Trịnh Th và bà Nguyễn Thị D xác nhận không có nợ chung.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng ông Trịnh Th tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Th đã nộp theo biên lai thu số 0001618 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng;
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148, ngày 30/11/2003)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bàng